TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 61/2018/QĐHNGĐ-ST	*Quận 11, ngày 06 tháng 02 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 17/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2018, giữa:

Người yêu cầu: Ông Vương Vĩ N; địa chỉ: xxx Lê Đại Hành, Phường 6, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu: Bà Đặng Hoàng Đông A; địa chỉ: xxx Lê Đại Hành, Phường 6, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 01 năm 2018;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản công nhận thuận tình ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản công nhận thuận tình ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Vương Vĩ N và bà Đặng Hoàng Đông A.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a) Về quan hệ hôn nhân: Ông Vương Vĩ N và bà Đặng Hoàng Đông A thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 35, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/6/2010 không còn giá trị).

b) Về con chung: Giao bà Đặng Hoàng Đông A trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Vương Gia H (Nữ, sinh ngày 03/10/2011) và trẻ Vương Gia T (Nữ, sinh ngày 31/01/2015).

Ông Vương Vĩ N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng/trẻ. Cấp dưỡng vào ngày 01 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện vào tháng 02/2018 cho đến khi phát sinh điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp ông N chậm giao tiền cấp dưỡng nuôi con thì bà A không yêu cầu ông N phải trả lãi đối với số tiền chậm giao tương ứng với thời gian chậm giao tiền.

Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

c) Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

d) Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

đ) Lệ phí sơ thẩm: Lệ phí giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), ông Vương Vĩ N tự nguyện chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông N đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2014/0004876 ngày 02/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11, Tp. HCM;
- Các đương sự;
- UBND Phường 6, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh ;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

Lý Trần Ngọc Phương

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, A hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).